

Sau khi chiếm được Đại Việt, nhà Minh thiết lập bộ máy cai trị vô cùng tàn ác đối với nhân dân ta. Trước tiên, chúng xóa bỏ tên nước Đại Việt, đổi nước ta thành quận Giao Chỉ, coi như một địa phương của Trung Quốc.

Nhà Minh thực hiện chính sách rất tàn bạo để cướp bóc, vơ vét của cải và nguồn lực của nhân dân ta đưa về Trung Quốc. Chỉ hơn nửa năm tiến hành xâm lược nước ta, giặc Minh đã cướp của nhân dân ta 235.900 con voi, ngựa, trâu, bò; 13.600.000 thạch thóc; 8.670 chiếc thuyền⁽¹⁾. Thâm độc hơn, chúng thực hiện chủ trương đồng hóa về văn hóa, cho thiêu hủy, cướp bóc các tác phẩm vô giá về lịch sử, văn học nghệ thuật thời Lý, thời Trần mang về chính quốc theo lệnh của vua Minh “*một mảnh giấy, một nửa chữ cũng không để*

lại”. Ngoài ra, nhà Minh còn bắt nhân dân ta thay đổi cả cách ăn mặc, phong tục tập quán lâu đời để “*hóa theo phong tục người Bắc*”⁽²⁾.

Trước những hành động tàn bạo của nhà Minh, nhân dân ta vô cùng căm phẫn, kiên quyết đứng lên chống lại, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước đã nổ ra, điển hình là các cuộc khởi nghĩa của Trần Quý Khoáng, Trần Ngỗi, Phạm Ngọc, Lê Ngà,... Các cuộc khởi nghĩa không đem lại chiến thắng cuối cùng mà bị quân Minh dập tắt.

Trong tình thế đó, Lê Lợi - vị hào trưởng Lam Sơn, người có uy tín trong vùng đã cùng với nhiều nghĩa sĩ, thân hào ở các địa phương chuẩn bị lực lượng đứng lên khởi nghĩa giành lại nền độc lập cho dân tộc.

Ngày mùng 2 tháng Giêng năm Mậu Tuất (1418) tại vùng đất Lam Sơn (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa.

Vị trí chiến lược của Nghệ An TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN

□ NGUYỄN QUỐC HỒNG*

* Th.S - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Nghệ An

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra qua 3 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ năm 1418 đến năm 1424, nghĩa quân hoạt động ở miền núi xứ Thanh; giai đoạn 2 từ cuối năm 1424 đến năm 1425, Lê Lợi chuyển quân vào Nghệ An, xây dựng căn cứ chiến lược, giải phóng Nghệ An, tiến xuống giải phóng Tân Bình - Thuận Hóa; giai đoạn thứ 3 từ năm 1426 - 1427, tấn công ra Bắc, giải phóng hoàn toàn đất nước.

Trong 6 năm đầu, nghĩa quân Lam Sơn hoạt động ở miền núi Thanh Hóa với địa hình chật hẹp, nhiều nơi hiểm yếu, gần Tây Đô và các trung tâm tập trung binh lực của quân Minh, nên nghĩa quân chịu nhiều tổn thất sau những lần bị quân Minh tấn công. Quân lính ngày càng bị hao tổn, lương thực, vũ khí ngày càng cạn kiệt, nghĩa quân đứng trước tình thế vô cùng khốn quẫn đến nỗi Lê Lợi phải cho giết cả voi, ngựa để nuôi quân.

Trước nguy cơ cuộc khởi nghĩa bị tan rã, Nguyễn Chích - một tướng của nghĩa quân Lam Sơn đã hiến kế: *“Nghệ An là nơi hiểm, yếu, đất rộng, người đông, tôi đã từng qua lại Nghệ An, nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta trước hãy đánh lấy đất Trà Long, chiếm giữ cho được Nghệ An để làm chỗ đứng chân, rồi dựa vào nhân lực, tài lực của đất ấy mà quay ra Đông Đô, thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ. Vương khen là phải. Liên đó kéo quân ra phía Nam, đánh úp đồn Đa Căng”*⁽³⁾.

Theo kế của Nguyễn Chích, Lê Lợi chọn Nghệ An làm *“đất đứng chân”* thể hiện tâm chiến lược của Lê Lợi và tướng Nguyễn Chích. Thời điểm cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đang diễn biến theo hướng bất lợi thì quyết định chuyển quân vào Nghệ An xây dựng hậu cứ, tuyển thêm quân lính, huấn luyện quân sĩ, rèn đúc vũ khí, chuẩn bị lương thực, cho các cuộc phản công tới là sự lựa chọn hết sức đúng đắn.

Địa bàn Nghệ An thời bây giờ so với Thanh Hóa thì có nhiều ưu thế hơn. Xét về mặt

tinh thần, nhân dân Nghệ An có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm rất mãnh liệt. Thời Lý (năm 1010 - năm 1225), vùng đất Nghệ An từng được coi là *“phên dậu”* phía Nam của quốc gia Đại Việt, đến thời Trần (năm 1225 - năm 1400), Nghệ An là hậu phương vững chắc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông của dân tộc, trước khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa. Nghệ An từng là địa bàn trọng yếu của các cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi - Trần Quý Khoáng, Nguyễn Vĩnh Lộc,...

Về mặt địa lý: Miền Tây Nghệ An là vùng rừng núi rộng lớn, địa hình nhiều nơi hiểm trở, núi cao, thung lũng hẹp, nhiều khe suối là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các cứ điểm mai phục kẻ thù, kết hợp với vùng trung du sẽ liên hoàn với miền Tây Thanh Hóa, tạo thành vùng chiến lược về quân sự không chỉ cho các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh mà còn cho cả nước. Nghệ An lại nằm xa Tây Đô, Đông Quan là những vùng tập trung quân lớn của địch. Hơn nữa, Nghệ An là vùng đất rộng lớn, dân đông, nhiều sản vật, thực vật là nơi cung cấp nguồn nhân lực, lương thực và cả khí giới cho nghĩa quân.

Với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, Lê Lợi lấy Nghệ An làm *“đất đứng chân”* sẽ thoát khỏi sự bế tắc cả chiến lược và chiến thuật trong cuộc chiến với quân Minh.

Đánh giá về mưu kế của Nguyễn Chích, Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* viết: *“Bây tôi có công khai quốc, kể về bậc tài trí cần lao không phải là hiếm nhưng sở dĩ [Vua Lê Thái Tổ] đã bình định được cả nước là do mưu chước của Lê Chích... không cần phải đánh mà được thành Đông Đô, lấy hòa hiếu để kết thúc chiến tranh, tuy là mưu lược của Nguyễn Trãi, nhưng trước hết làm cho căn bản mạnh để thu thắng lợi hoàn toàn thực chất là bắt đầu từ Lê Chích”*⁽⁴⁾.

Để mở đường tiến vào Nghệ An, nghĩa quân Lam Sơn đã tổ chức đánh úp đồn Đa Căng thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Đồn

Đa Căng nằm án ngữ trên con đường “thượng đạo” từ miền Tây Thanh Hóa vào miền Tây Nghệ An, nghĩa quân bất ngờ tấn công đánh bại quân giặc, khai thông con đường huyết mạch tiến vào Nghệ An. Khi gần đến Bồ Đằng (nay thuộc xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu) nghĩa quân bị quân Minh chặn cả hai mặt, tại đây đã diễn ra một trận quyết chiến “*Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt*”⁽⁵⁾, thắng lợi thuộc về nghĩa quân Lam Sơn.

Sau chiến thắng Bồ Đằng, nghĩa quân Lam Sơn tiếp tục tiến vào Trà Lân theo con đường “*thượng đạo*”. Khi nghĩa quân đến Bãi Tập thuộc các xã Đồng Hợp và Tam Hợp huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An ngày nay thì dừng chân để tuyển thêm quân sĩ, rèn đúc vũ khí, huy động quân lương để chuẩn bị trận đánh lấy thành Trà Lân. Tại đây, nhân dân các dân tộc thuộc miền Tây Nghệ An đã mang lương thực, thực phẩm, voi, ngựa ủng hộ và hàng ngàn thanh niên trai tráng đến xin gia nhập nghĩa quân. Để chặn đường tiến công của nghĩa quân Lam Sơn, tướng giặc là Sư Hựu cho củng cố trang Trịnh Sơn thuộc huyện Con Cuông thành một đồn lũy nhằm chặn đường của nghĩa quân tiến vào Trà Lân.

Trà Lân là một châu miền núi Nghệ An,



Dấu tích Thành Lục Niên trên núi Thiên Nhãn.

Ảnh tư liệu

là đầu mối của những tuyến giao thông thủy bộ quan trọng phía Tây Nam Nghệ An. Thành đắp theo thế núi, chu vi khoảng 2km. Di tích phía Đông còn lại một đoạn hào dài chừng 600m, rộng khoảng 1,2m. Phía ngoài hào là một lớp trúc bao bọc có chỗ dày tới hàng chục mét. Tướng giữ thành là Cẩm Bành. Cuối tháng 10 năm 1424, nghĩa quân tiến hành bao vây thành và tìm cách dụ Cẩm Bành ra hàng. Tuy nhiên, Cẩm Bành cậy có thành cao, hào sâu, quân đông, lương nhiều, cố chết để chờ viện binh.

Được sự ủng hộ mạnh mẽ của đồng bào các dân tộc Nghệ An, nghĩa quân ngày càng xiết chặt vòng vây, từng bước tiêu hao lực lượng địch. Sau hơn 2 tháng bị vây hãm, tình thế quân địch ngày càng khốn đốn, tinh thần binh lính hoang mang, lương thực ngày càng cạn kiệt, một số binh lính đã bí mật ra hàng nghĩa quân. Trong tình thế ấy, Cẩm Bành tuyệt vọng khi nhận được tin không có viện binh đành phải mở cửa thành “*sụp lạy mà dâng đất*”. Trong thời gian vây hãm thành Trà Lân, nghĩa quân được đồng bào các dân tộc Nghệ An cung cấp quân lương, hợp sức với nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc. Nhân dân còn giúp nghĩa quân xây dựng nhiều đồn, trại xung quanh làm các căn cứ để vây hãm, đánh thành Trà Lân.

Sau khi đánh chiếm được thành Trà Lân, thanh thế của nghĩa quân Lam Sơn lên cao, lan rộng, nhiều tù trưởng và hào kiệt khắp nơi đã đưa quân, voi chiến về gia nhập nghĩa quân.

Thất bại ở Trà Lân, quân Minh hoảng sợ trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, bèn tổ chức lại lực lượng tấn công giành lại thành Trà Lân và tiêu diệt lực lượng của nghĩa quân Lam Sơn. Mùa xuân năm 1425, quân Minh mở cuộc phản kích với quy mô lớn lên Trà Lân, Bộ Chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn chủ trương: “*Giặc đông, ta ít, lấy ít đánh đông, chỉ ở nơi đất hiểm mới lập được công*”. Lê Lợi bố trí ba hướng tấn công, một hướng do Đinh Liệt, một hướng do Đinh Lễ, một hướng do Nguyễn Chích chỉ huy, nghĩa quân đánh cho quân Minh thua chạy tan tác ở Khả Lưu, Bồ Ải, đập tan cuộc phản kích của quân Minh lên Trà Lân.

Giữ được thành Trà Lân, nghĩa quân Lam Sơn đã giữ và làm chủ được một vùng rộng lớn có vị trí chiến lược quan trọng, đồng thời khẳng định sự trưởng thành vượt bậc của nghĩa quân về mọi mặt. Sau một năm chuyển hướng hoạt động, lấy vùng đất Nghệ An làm căn cứ chiến lược, nghĩa quân Lam Sơn từ một đội quân nhỏ bé ở miền núi tỉnh Thanh Hóa đã trở thành một đội quân lên đến hàng vạn người đầy đủ cả quân bộ, quân thủy, lương thực, vũ khí được nhân dân các dân tộc Nghệ An ủng hộ, đủ để nuôi quân. Chính bước phát triển nhảy vọt này đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thế và lực mới, đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trên đà thắng lợi, nghĩa quân Lam Sơn đã triển khai lực lượng xuống vùng đồng bằng vây thành Nghệ An, đưa quân đánh thành Trà (Diễn Châu), tiến xuống giải phóng Tân Bình - Thuận Hóa, tiến ra Thanh Hóa tấn công thành Tây Đô, mở ra một vùng hậu phương rộng lớn. Tháng 5 năm 1426, nghĩa quân tấn công ra Bắc, cuối năm 1427, bằng những chiến thắng quyết định ở Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn buộc giặc Minh phải đầu hàng. Sau 10 năm, “*ném mật nằm gai*”, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn toàn thắng lợi, mở ra một vương triều mới - vương triều Hậu Lê, với quốc hiệu là Đại Việt. Trong chiến thắng vang dội của nghĩa quân Lam Sơn trước quân Minh, Nghệ An với vị trí chiến lược, “*đất đứng chân*” đã hoàn thành vẻ vang sứ mệnh lịch sử của mình, cống hiến lớn lao vào sự nghiệp giải phóng dân tộc của Lê Lợi, đúng như bài phát biểu của Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ X (vòng hai) từ ngày 20/3/1961 đến ngày 30/3/1961: “*Trong nước ta hàng ngàn năm, Nghệ An là nơi xây dựng cơ sở để chống ngoại xâm, giữ vững nước nhà. Khi nào phía Bắc mất, người ta lại vào đây để xây dựng lực lượng, gây dựng sức mạnh giải phóng cả nước. Do cái cơ sở vị trí truyền thống đó mà chúng ta không lấy làm ngạc nhiên ở Nghệ An đã sinh trưởng những vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc*”⁽⁶⁾.□

Chú thích

(1) Trích theo *Khởi nghĩa Lam Sơn* - Phan Đại Doãn, Phan Huy Lê - Nxb Khoa học xã hội, HN -1978, Tr. 30.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư* - Nxb Khoa học Xã hội, HN - 1972, T2. Tr. 274.

(3) Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tập I*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 779.

(4) Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, NXB Sử học, 1977, tr. 308.

(5) Nguyễn Trãi - *Bình Ngô đại cáo*.

(6) *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, Tập 1 - Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội - 1998, tr. 24.